

Số: 254/BTP-KSTT

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

V/v thực hiện Kế hoạch đơn giản hóa
TTHC trọng tâm năm 2015

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội.

Để thực hiện kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan:

1. Trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của Chính phủ, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2014 liên quan đến cải cách thủ tục hành chính về thuế, hải quan, đầu tư, đất đai, xây dựng... và các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính cần ưu tiên đơn giản hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015 thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết.

2. Chỉ đạo, quán triệt, đôn đốc các đơn vị, cơ quan chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc.

3. Nghiên cứu, vận dụng hướng dẫn tại Phụ lục I, II kèm theo Công văn này để thực hiện nhiệm vụ đơn giản hóa 13 nhóm thủ tục hành chính, quy định có liên quan và rà soát, hệ thống, bổ sung, chuẩn hóa, công bố, công khai toàn bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết. Đối với các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính theo Kế hoạch của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh mà không thuộc 13 nhóm thủ tục hành chính, quy định có liên quan tại Quyết định số 08/QĐ-TTg thì thực

hiện rà soát, đơn giản hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

4. Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị trong quá trình thực hiện để Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phản ánh đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch.

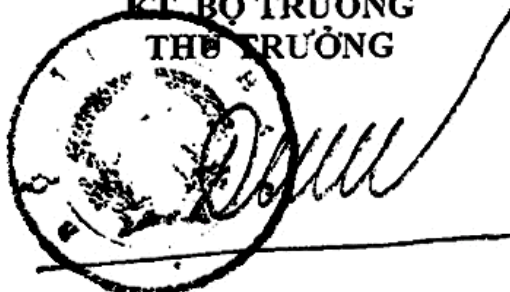
6. Bố trí đủ kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính của Bộ, ngành, địa phương theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam;
- Các Học viện: Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hành chính quốc gia;
- Các Đại học: Quốc gia Hà Nội, Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;
- Các Trường Đại học: Kinh tế quốc dân, Bách Khoa Hà Nội, Y Hà Nội;
- Các Bệnh viện: Bạch Mai, Việt Đức, Chợ Rẫy, 103;
- Các Hiệp hội: các trường đại học, cao đẳng Việt Nam, In Việt Nam;
- Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính;
- Lưu: VT, KSTT (5). TH

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG



99949441

Đinh Trung Tụng

Phụ lục I

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: 254/BTP-KSTT ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp)

Việc đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính (TTHC), quy định liên quan được thực hiện theo thứ tự như sau:

1. Xác định các vấn đề, nội dung đơn giản hóa TTHC

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành) được giao chủ trì hoặc phối hợp tham gia đơn giản hóa các nhóm TTHC, quy định liên quan tại Kế hoạch của Chính phủ thực hiện xác định vấn đề, nội dung đơn giản hóa thuộc phạm vi quản lý đề cụ thể hóa hoặc bổ sung trong Kế hoạch đơn giản hóa TTHC năm 2015 của Bộ, ngành.

Ví dụ: Đối với nhóm TTHC, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản, Bộ Tài chính sẽ tham gia đơn giản hóa các TTHC, quy định về hải quan, thuế trong lĩnh vực nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thủy sản; Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tham gia đơn giản hóa TTHC, quy định về môi trường,... Trên cơ sở xác định các vấn đề, nội dung cần đơn giản hóa thuộc nhóm, xây dựng, hoàn thiện hoặc bổ sung vào Kế hoạch đơn giản hóa TTHC năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó nêu rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm và phân công đơn vị thực hiện.

2. Hệ thống hóa danh mục TTHC, quy định liên quan

a) Các Bộ, ngành được giao phối hợp triển khai theo các bước sau:

- Tập hợp các văn bản do Bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền (bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật do Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành và văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục do cơ quan thuộc Chính phủ ban hành) hoặc chủ trì soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành có quy định về TTHC thuộc vấn đề, nội dung rà soát.

Ví dụ: Đối với nhóm TTHC, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản, về hải quan, Bộ Tài chính tập hợp tất cả các văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thủy sản như: Luật Hải quan; Nghị định số 87/2012/NĐ-CP; Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại,....

- Xác định tên các TTHC thuộc vấn đề, nội dung rà soát tại các văn bản pháp luật tập hợp được.

Ví dụ: Đối với nhóm TTHC, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản, về hải quan, dựa trên các văn bản tập hợp được, xác định các TTHC, như: Thủ

tục hai quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán; thủ tục đưa hàng về bảo quản,...

- Thống kê TTHC: Thực hiện việc thống kê đầy đủ, chính xác số lượng và các bộ phận của TTHC đối với TTHC chưa được công bố. Đối với TTHC đã được công bố, cần kiểm tra lại các nội dung đã được công bố với quy định tại văn bản pháp luật. Nếu phát hiện có sự khác biệt với văn bản pháp luật thì điều chỉnh lại theo quy định tại văn bản pháp luật.

- Xác định thứ tự thực hiện của TTHC với các TTHC liên quan trong nhóm (nêu rõ: TTHC thực hiện trước; TTHC thực hiện sau).

Ví dụ: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng mua bán là thủ tục cuối cùng trong quy trình tổng thể nhóm TTHC, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản.

- Gửi kết quả hệ thống hóa TTHC thuộc phạm vi quản lý đến Bộ, ngành chủ trì và Bộ Tư pháp.

(Sử dụng Mẫu số 01: Danh mục TTHC, quy định liên quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ).

b) Các Bộ, ngành chủ trì triển khai theo các bước sau:

- Tiến hành hệ thống hóa TTHC, quy định liên quan thuộc vấn đề, nội dung đơn giản hóa của Bộ, ngành theo đúng hướng dẫn từ bước 1 đến bước 4 tại mục a khoản 2 phục lục này.

- Từ kết quả hệ thống hóa của Bộ, ngành phối hợp và kết quả hệ thống hóa đối thuộc phạm vi quản lý, Bộ, ngành chủ trì thực hiện tổng hợp danh mục TTHC của nhóm.

- Lập sơ đồ tổng thể nhóm TTHC theo hướng dẫn tại mục b bước 1 Phụ lục số VI Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

(Sử dụng Mẫu số 02: Danh mục TTHC và sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC).

Lưu ý: Đối với nhóm TTHC có liên quan đến nhiều đối tượng thực hiện khác nhau thì có thể phân tách, lập danh mục TTHC và sơ đồ tổng thể riêng cho từng loại đối tượng.

- Thống nhất kết quả tổng hợp danh mục TTHC và sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC với các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan được giao phối hợp thực hiện rà soát.

- Gửi danh mục TTHC và sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC về Bộ Tư pháp để theo dõi, kiểm tra; đồng thời, gửi Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị phối hợp để thực hiện việc nghiên cứu, rà soát, đánh giá.

c) Riêng nhóm TTHC, quy định liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực (nhóm số 13 của Quyết định số 08/QĐ-TTg)

Bộ, ngành được giao phối hợp thực hiện đơn giản hóa nhóm TTHC này tổ chức lập danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực (*Danh mục này gồm các nội dung: Số thứ tự; tên TTHC; cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC; tên hồ sơ, giấy tờ có yêu cầu công chứng, chứng thực; căn cứ pháp lý, ghi rõ điều, khoản, điểm quy định yêu cầu các giấy tờ đó*) và gửi đến Bộ Tư pháp đề tổng hợp.

3. Nghiên cứu, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

- Căn cứ vào danh mục TTHC và sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC các bộ, ngành thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá để đề xuất các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC theo hướng dẫn tại Chương III Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

- Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị phối hợp (trừ Bộ Tư pháp - đơn vị thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 08/QĐ-TTg) gửi đến Bộ, ngành chủ trì kết quả rà soát, đánh giá đã được Lãnh đạo Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị phê duyệt, gồm: (1) nội dung phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi; (2) biểu mẫu rà soát, đánh giá.

- Bộ, ngành chủ trì tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá của nhóm TTHC gồm: (1) nội dung phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi; (2) biểu mẫu rà soát, đánh giá; (3) Sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC trước và sau khi rà soát, đánh giá (trừ nhóm số 13 của Quyết định số 08/QĐ-TTg).

- Bộ, ngành chủ trì tổ chức thống nhất với các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị phối hợp nếu thấy cần thiết. Đồng thời, gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC, đối tượng tuân thủ với hồ sơ cụ thể như sau: (1) nội dung phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi; (2) Sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC trước và sau khi rà soát, đánh giá (trừ nhóm số 13 của Quyết định số 08/QĐ-TTg).

- Bộ, ngành chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành tham gia rà soát thực hiện tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC.

4. Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và phương án đơn giản hóa TTHC

Trên cơ sở kết quả rà soát, đơn giản hóa, các Bộ, ngành thực hiện:

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ TTHC, các quy định có liên quan theo thẩm quyền.

- Bộ, ngành chủ trì hoàn thành Báo cáo về phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC, quy định liên quan (*Sử dụng Mẫu số 03: Báo cáo về phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC, quy định liên quan*) và dự thảo Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phương án đơn giản hóa đối

với TTHC, quy định thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ, ngành chủ trì chuẩn bị hồ sơ (bản giấy và file điện tử) gửi đến Bộ Tư pháp để xem xét, đánh giá bao gồm:

(1) Báo cáo tình hình, kết quả và phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC, quy định liên quan;

(2) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ;

(3) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC, quy định liên quan;

(4) Sơ đồ tổng thể của nhóm TTHC trước và sau khi rà soát, đánh giá (trừ nhóm số 13 của Quyết định 08/QĐ-TTg);

(5) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC, đối tượng tuân thủ;

(6) Biểu mẫu rà soát, đánh giá (chỉ cần gửi file điện tử).

5. Hoàn thiện và trình phương án đơn giản hóa TTHC, sáng kiến cải cách TTHC

Bộ, ngành chủ trì hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở ý kiến đánh giá của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ./.

Mẫu số 01

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ

Nhóm TTHC:

I. TẬP HỢP VĂN BẢN PHÁP LUẬT

| STT | Tên văn bản pháp luật <i>(Ghi rõ tên loại, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản)</i> | Tên TTHC <i>(Ghi rõ tên TTHC thuộc vấn đề, nội dung đơn giản hóa và nêu rõ điều, khoản, điểm quy định)</i> | Ghi chú |
|-----|--|---|---------|
| 1 | Ví dụ: Thông tư số 22/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại | Ví dụ: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán (Chương II Thông tư) | |
| ... | | | |

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ví dụ: Đối với nhóm TTHC khám, chữa bệnh cho trẻ dưới 6 tuổi)

| STT | Tên TTHC | Cơ quan trực tiếp thực hiện | Thứ tự trong nhóm TTHC | Căn cứ xác định thứ tự TTHC | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------------|---|---|---------|
| 1 | Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. | Các cơ sở y tế | Thực hiện sau TTHC: - Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ dưới 6 tuổi. | Theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC. | |
| 2 | Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ dưới 6 tuổi. | UBND cấp xã | Thực hiện sau TTHC: - Thủ tục đăng ký khai sinh; - Thủ tục cấp giấy chứng sinh; Thực hiện trước TTHC: - Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. | Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Luật bảo hiểm y tế. | |

Mẫu số 02

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ SƠ ĐỒ TỔNG THỂ
Nhóm TTHC

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

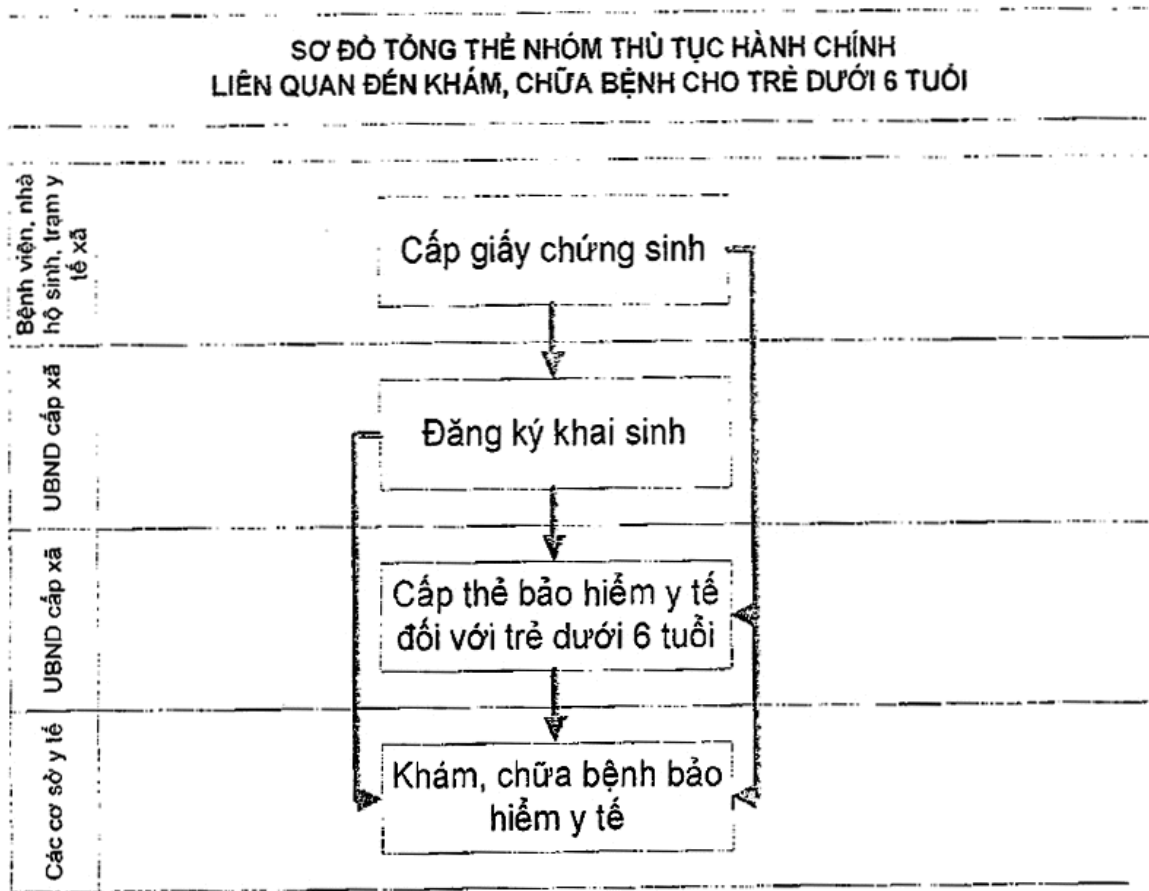
(Ví dụ: Đối với nhóm TTHC khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi)

| STT | Tên TTHC | Cơ quan trực tiếp thực hiện | Thứ tự trong nhóm TTHC | Căn cứ xác định thứ tự TTHC | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------------------|---|---|---------|
| 01 | Thủ tục cấp giấy chứng sinh. | Bệnh viện, nhà hộ sinh, Trạm y tế xã | TTHC đầu tiên của nhóm. | Theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT | |
| 02 | Thủ tục đăng ký khai sinh. | UBND cấp xã | Thực hiện sau TTHC: - Thủ tục cấp giấy chứng sinh. | Theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP. | |
| 03 | Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ dưới 6 tuổi. | UBND cấp xã | Thực hiện sau TTHC: - Thủ tục đăng ký khai sinh; - Thủ tục cấp giấy chứng sinh. | Theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Luật bảo hiểm y tế. | |
| 04 | Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. | Các cơ sở y tế | Thực hiện sau TTHC: - Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với trẻ dưới 6 tuổi; - Thủ tục đăng ký khai sinh; - Thủ tục cấp giấy chứng sinh. | Theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC. | |

09949441

II. SƠ ĐỒ TỔNG THỂ

(Ví dụ: Sơ đồ tổng thể đối với nhóm TTHC khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi)



Mẫu số 03

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: .../BC-...

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO

Về phương án đơn giản hóa đối với nhóm TTHC,
quy định liên quan:.....

(do Bộ..... chủ trì thực hiện theo Kế hoạch đơn giản hóa
TTHC trọng tâm năm 2015)

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Cách thức triển khai của Bộ chủ trì.
- Công tác phối hợp giữa Bộ chủ trì và các Bộ phối hợp.
- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.
- Đề xuất, kiến nghị.

B. KẾT QUẢ ĐƠN GIẢN HÓA

I. Nhóm TTHC, quy định liên quan đến...

- Tổng số TTHC trong nhóm: TTHC
- Số TTHC đề nghị đơn giản hóa: TTHC, trong đó:
 - + Số TTHC đề nghị bãi bỏ, hủy bỏ: ... TTHC;
 - + Số TTHC đề nghị thay thế: ... TTHC;
 - + Số TTHC đề nghị sửa đổi, bổ sung: ... TTHC;
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: ... %.
- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ... đồng/năm
- + Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- + Tổng chi phí tiết kiệm: ... đồng/năm.

Cụ thể như sau:

1. Thủ tục... (Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia nếu có)

a) Nội dung đơn giản hóa

Nêu rõ từng nội dung đơn giản hóa TTHC, quy định có liên quan thuộc thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ và các nội dung trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

(i) Nội dung 1:.....

Lý do:

(ii) Nội dung 2:.....

Lý do:

b) Kiến nghị thực thi

Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục... (Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia nếu có)

.....

II. Nhóm TTHC, quy định liên quan đến...

.....

Nơi nhận:

- ;

- .

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VIỆC CHUẨN HÓA VÀ NIÊM YẾT BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số: ~~257~~ /BTP-KSTT ngày ~~03~~ tháng ~~02~~ năm 2015
của Bộ Tư pháp)

I. PHẠM VI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ NGUYÊN TẮC CHUẨN HÓA

1. Phạm vi thực hiện

Phạm vi rà soát, hệ thống, chuẩn hóa thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm: toàn bộ các TTHC được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được ban hành và đang còn hiệu lực thi hành hoặc đang chờ hiệu lực thi hành, cụ thể gồm:

a) Các TTHC được quy định tại các VBQPPL đã được ban hành, đang còn hiệu lực thi hành, đã được cấp có thẩm quyền công bố và được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC;

b) Các TTHC được quy định tại các VBQPPL đã được ban hành, đang còn hiệu lực thi hành hoặc đang chờ hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố, công khai.

2. Kết quả thực hiện

a) Danh mục TTHC được chuẩn hóa thống nhất về tên gọi và được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trong đó các TTHC được thiết lập theo ngành, lĩnh vực và thẩm quyền giải quyết của từng cấp, gồm: TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Trung ương, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã và nhóm các TTHC giải quyết theo quy trình liên thông (nếu có).

b) Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc các cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Các thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

3. Nguyên tắc chuẩn hóa

- Tên TTHC khi công bố phải thống nhất theo danh mục tên TTHC đã được chuẩn hóa và phê duyệt.

- Nội dung công bố TTHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thống nhất với nội dung tại văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Nội dung TTHC được công khai phải thống nhất theo nội dung tại Quyết định công bố.

- Kịp thời phát hiện, xử lý đối với các quy định về thủ tục hành chính được ban hành trái với quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (Nghị định số 63/2010/NĐ-CP).

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

A. ĐỐI VỚI BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Lập danh mục và chuẩn hóa tên TTHC

a) Đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức xây dựng danh mục:

+ Các TTHC được các VBQPPL của cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương quy định đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và không giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện;

+ Các TTHC mà VBQPPL của cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương quy định chưa đầy đủ các bộ phận tạo thành của TTHC và giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện.

Trong đó, danh mục TTHC được phân loại theo thẩm quyền giải quyết như sau:

- * Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương;
- * Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp tỉnh;
- * Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện;
- * Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã;
- * Nhóm TTHC được giải quyết theo quy trình liên thông (nếu có).

Đối với một số TTHC, VBQPPL quy định chỉ được thực hiện tại một hoặc một số địa phương thì danh mục TTHC xác định rõ tên các địa phương

thực hiện. Ví dụ: Thủ tục giao khu vực biển cho cá nhân, tổ chức khai thác và sử dụng tài nguyên biển thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển theo điểm c, Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng tài nguyên biển.

- Tổ chức Pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tổng hợp Danh mục TTHC do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng; tổ chức việc lấy ý kiến thống nhất của các địa phương và Bộ Tư pháp; phối hợp với các tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Danh mục; trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phê duyệt.

(Sử dụng theo Mẫu số 05. Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.../Cơ quan..., kèm theo Phụ lục này).

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện:

+ Lập danh mục các TTHC có tính chất đặc thù (nếu có) được quy định tại các VBQPPL do Chính quyền địa phương ban hành để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn hoặc để quy định chi tiết các vấn đề được giao cụ thể tại các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp.

+ Lập danh mục nhóm TTHC được giải quyết theo quy trình liên thông trên địa bàn tỉnh, trừ những nhóm TTHC đã được các VBQPPL của cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương quy định phải giải quyết theo quy trình liên thông, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp (nếu có).

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về Danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp Danh mục các TTHC đặc thù và liên thông do các sở, ngành xây dựng; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tư pháp, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Danh mục TTHC được phân loại theo thẩm quyền giải quyết như sau:

* Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp tỉnh;

* Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện;

- * Nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã;
- * Nhóm TTHC được giải quyết theo quy trình liên thông (nếu có).

(Sử dụng theo Mẫu số 06. Danh mục thủ tục hành chính đặc thù và liên thông được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh/thành phố..., kèm theo Phụ lục này).

c) Trong trường hợp, sau thời điểm hoàn thành Danh mục TTHC, nếu phát sinh các TTHC mới thì Bộ, ngành, địa phương thực hiện công bố, công khai TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC (Thông tư số 05/2014/TT-BTP).

2. Công bố TTHC

a) Đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chuẩn hóa nội dung cụ thể về bộ phận tạo thành của các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ trên cơ sở danh mục TTHC đã được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Tổ chức Pháp chế xây dựng, trình Lãnh đạo Bộ ban hành quyết định công bố; gửi Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được chuẩn hóa ngay sau khi quyết định được ban hành.

Việc gửi quyết định công bố TTHC được thực hiện bằng bản giấy qua đường bưu điện hoặc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử/Trang tin của Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc trang tin <http://dlqg.thutuchanhchinh.vn> của Bộ Tư pháp.

Trường hợp gửi quyết định công bố bằng hình thức đăng tải trên các phương tiện điện tử nêu trên, Bộ, cơ quan ngang Bộ có văn bản thông báo kịp thời để Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Sở, ngành chuyên môn biết, triển khai công việc.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Sở, ngành chuyên môn chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện:

- Chuẩn hóa nội dung cụ thể về bộ phận tạo thành của các TTHC đặc thù và TTHC liên thông theo Danh mục TTHC đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ quyết định công bố của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các quy định tại các VBQPPL thực hiện:

- + Rà soát, bổ sung bộ phận tạo thành của TTHC được giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc hướng dẫn thi hành;

- Bổ sung, hoàn chỉnh địa điểm, thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

- Từ kết quả chuẩn hóa, rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh trên, xây dựng quyết định công bố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Công khai TTHC

Tiến hành nhập dữ liệu TTHC đã được chuẩn hóa nêu trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thực hiện rà soát, niêm yết lại các TTHC chưa phù hợp với quyết định công bố ngay sau khi hoàn thành việc ban hành quyết định công bố.

Việc nhập dữ liệu TTHC đã được chuẩn hóa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Việc rà soát, niêm yết lại các TTHC thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

B. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN: BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM, NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1. Lập danh mục và chuẩn hóa tên thủ tục giải quyết công việc thuộc phạm vi quản lý

Tiến hành rà soát, hệ thống, phân loại và chuẩn hóa tên thủ tục giải quyết công việc để xây dựng Danh mục thủ tục giải quyết công việc theo lĩnh vực và thẩm quyền giải quyết nhằm thống nhất thực hiện việc chuẩn hóa về nội dung cụ thể của thủ tục.

Danh mục thủ tục giải quyết công việc được phân loại theo thẩm quyền giải quyết như sau:

- Nhóm thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Trung ương;
- Nhóm thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cấp tỉnh;
- Nhóm thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cấp huyện;
- Nhóm thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cấp xã;
- Nhóm thủ tục được giải quyết theo quy trình liên thông (nếu có).

Việc rà soát, hệ thống, phân loại và chuẩn hóa tên thủ tục giải quyết công việc được tiến hành trên cơ sở các văn bản hướng dẫn hiện đang có hiệu lực thi hành hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành và đang chờ hiệu lực thi hành.

Cách thức tổ chức việc lập, tổng hợp, thống nhất ý kiến, trình phê duyệt Danh mục thủ tục giải quyết công việc phù hợp với hệ thống tổ chức của ngành trên cơ sở tương tự như nội dung hướng dẫn đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ tại Phụ lục này.

2. Chuẩn hóa nội dung, đăng tải và niêm yết thủ tục giải quyết công việc

- Chuẩn hóa nội dung cụ thể về bộ phận tạo thành của các thủ tục trên cơ sở danh mục thủ tục đã được chuẩn hóa thống nhất; thực hiện công bố sau khi đã hoàn thành việc chuẩn hóa.

- Nhập các dữ liệu về thủ tục giải quyết công việc vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Tổ chức thực hiện rà soát, niêm yết công khai lại thủ tục chưa phù hợp với quyết định đã được công bố.

C. TIỀN ĐỘ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015.

Mẫu số 05

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ.../CƠ QUAN...

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TRUNG ƯƠNG

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
|----------------------------|---|--|-------------------|---------|
| A. LĨNH VỰC LUẬT SƯ | | | | |
| 1 | Ví dụ: Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư | Luật số 20/2012/QH13, 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư | Bộ Tư pháp | |
| 2 | Thủ tục thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư của Liên đoàn luật sư Việt Nam | Thủ tục thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư của Liên đoàn luật sư Việt Nam | Bộ Tư pháp | |
| 3 | | | | |
| ... | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| | | | | |
| ... | | | | |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | TTHC do Trung ương ban hành ¹ | TTHC do Trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung ² | GHI CHÚ ³ |
|-----------------------|---|--|-------------------|--|--|----------------------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân | Luật số 20/2012/QH13, 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư | Sở Tư pháp | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

¹ TTHC được các VBQPPL của cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương quy định đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và không giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện.

² Các TTHC mà VBQPPL của cơ quan có thẩm quyền ban hành ở Trung ương quy định chưa đầy đủ các bộ phận tạo thành của TTHC và giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện.

- Ghi rõ tên các bộ phận tạo thành của TTHC được giao cho Chính quyền địa phương quy định chi tiết hoặc cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện và nêu rõ điểm, khoản, điều của VBQPPL quy định.

³ Ghi chú rõ tên các tỉnh thực hiện TTHC đối với TTHC mà VBQPPL quy định chỉ được thực hiện tại một hoặc một số địa phương; đồng thời, nêu rõ điều, khoản, điểm, VBQPPL quy định.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | TTHC do Trung ương ban hành | TTHC do Trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung | GHI CHÚ |
|-----------------------|----------|----------------|-------------------|-----------------------------|---|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | TTHC do Trung ương ban hành | TTHC do Trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung | GHI CHÚ |
|-----------------------|----------|----------------|-------------------|-----------------------------|---|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

V. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT THEO QUY TRÌNH LIÊN THÔNG

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN ⁴ | TTHC do trung ương ban hành | TTHC do trung ương ban hành và địa phương bổ sung một số nội dung | GHI CHÚ |
|-----------------------|----------|----------------|--------------------------------|-----------------------------|---|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

⁴ Ghi rõ, tên các cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC theo quy trình liên thông.

Mẫu số 06

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ VÀ LIÊN THÔNG ĐƯỢC CHUẨN HÓA
TỈNH/THÀNH PHỐ...

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
|----------------|----------|----------------|-------------------|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | |
| ... | | | | |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
|----------------|----------|----------------|-------------------|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | |
| ... | | | | |

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

| STT | TÊN TTHC | CĂN CỨ PHÁP LÝ | CƠ QUAN THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
|----------------|----------|----------------|-------------------|---------|
| A. LĨNH VỰC... | | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| B. LĨNH VỰC... | | | | |
| ... | | | | |